

PHÁT TRIỂN ĐỐI NGOẠI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI, TƯƠNG XỨNG VỚI TÂM VÓC LỊCH SỬ, VĂN HÓA VÀ VỊ THẾ CỦA ĐẤT NƯỚC

TS NGÔ CHÍ NGUYỄN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 5/1/2026; Ngày phản biện: 5/1/2026; Ngày duyệt đăng: 10/1/2026.

● **Tóm tắt:** Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới với những bước chuyển mình mạnh mẽ nhằm hiện thực hóa khát vọng trở thành quốc gia giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Hiện nay, môi trường quốc tế và khu vực đang trải qua những biến động có tính bước ngoặt với nhiều bất ổn, thách thức nhất kể từ sau Chiến tranh lạnh, nhưng cũng đan xen không ít thời cơ, vận hội. Trong bối cảnh đó, Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng đã nâng tầm đối ngoại và hội nhập quốc tế trở thành nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên cùng với chủ trương “phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tâm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước”. Bài viết phân tích cơ sở khoa học và thực tiễn, làm rõ nội hàm tầm nhìn đối ngoại mới của Đảng, đồng thời chỉ rõ yêu cầu, định hướng nhằm triển khai tầm nhìn đối ngoại mới của Đảng phù hợp với bối cảnh hiện nay.

● **Từ khóa:** Đối ngoại trong kỷ nguyên mới; Tâm vóc; Vị thế của đất nước; Việt Nam.



1. Cơ sở lý luận và thực tiễn trong tầm nhìn đối ngoại mới của Đảng

Chủ trương phát triển đối ngoại Việt Nam “tương xứng với tâm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế đất nước” phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng về vai trò, tầm quan trọng của đối ngoại trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước; đồng thời, đặt ra yêu cầu phát triển

đối ngoại lên tầm cao mới, tương xứng với tâm vóc và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Chủ trương đối ngoại mới thể hiện nhận thức sâu sắc của Đảng về tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước sau 40 năm đổi mới; về mối quan hệ gắn bó, biện chứng giữa đối nội và đối ngoại, giữa nội lực và ngoại giao, giữa sức mạnh “cứng” và “mềm”, giữa

thách thức và vận hội, giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong bối cảnh mới hiện nay. Có thể khẳng định, tầm nhìn chiến lược của Đảng về đối ngoại trong kỷ nguyên mới xuất phát từ một số cơ sở chủ yếu sau:

Một là, đối ngoại quốc gia chịu sự quy định bởi nền tảng nội lực, có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với sức mạnh, quyền lực và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Ngoại giao phải gắn với thực lực của đất nước, “Phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn” (Hồ Chí Minh, 2011, 147). Lịch sử cách mạng Việt Nam, kể từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho thấy, chiến lược đối ngoại của Việt Nam luôn biết dựa vào tiềm lực và sức mạnh nội sinh của dân tộc. Mỗi bước trưởng thành của nền ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh từ những ngày đầu cách mạng còn trong thế “ngàn cân treo sợi tóc” đến ngoại giao kháng chiến, kiến quốc chống thực dân Pháp, ngoại giao phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước trong kháng chiến chống Mỹ... đều dựa vào nhận thức đúng đắn và phát huy tối đa sức mạnh nội lực của dân tộc để giành thắng lợi. Những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa lịch sử của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, phục vụ phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập hiện nay vừa là sự đóng góp, vừa là kết quả tất yếu của quá trình củng cố nội lực, biến sức mạnh quốc gia trở thành “đòn bẩy” và “điểm tựa” vững chắc của đối ngoại.

Sau 40 năm đổi mới, từ một quốc gia nghèo nàn, lạc hậu, kiệt quệ sau chiến tranh,

thường xuyên phải nhận viện trợ, đến năm 2025, quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 514 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với năm 2024. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD, tăng 326 USD so với năm 2024 (4.700 USD), đưa Việt Nam vào nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao (Phuong Dung, 2025). Cũng trong năm 2025, Việt Nam lọt vào nhóm 15 quốc gia có quy mô thương mại lớn nhất thế giới, thu hút đầu tư nước ngoài hàng đầu thế giới, trở thành mắt xích quan trọng và ngày càng gia tăng vị thế trong nền kinh tế thế giới và chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu (Tuyết Lan, 2025). Bên cạnh đó, Việt Nam đã tạo dựng được cục diện đối ngoại rộng mở và thuận lợi khi thiết lập quan hệ ngoại giao với 195 nước, trong đó có 193 thành viên Liên hợp quốc (BNG, 2025). Lần đầu tiên, Việt Nam xác lập quan hệ từ mức Đối tác chiến lược trở lên với toàn bộ 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, toàn bộ các nước G7 và 18/21 nước trong nhóm G20 (Duy Khánh, 2025)... Công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao văn hóa đã quảng bá, lan tỏa ngày càng mạnh mẽ hình ảnh đất nước, con người và các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc ra thế giới. Ngày càng nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Việt Nam được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận, vinh danh và được bạn bè thế giới biết đến.

Hai là, đối ngoại dựa trên sự phát huy cao độ sức mạnh “cứng” và sức mạnh “mềm” của dân tộc để thực hiện các mục tiêu lợi ích quốc gia. Lý luận và thực tiễn quan hệ quốc tế hiện đại cho thấy, không chỉ sức mạnh “cứng” (kinh tế hay quân sự) mà các yếu tố sức mạnh “mềm” của quốc gia cũng đóng

vai trò ngày càng quan trọng trong định hình chính sách đối ngoại quốc gia cũng như tạo dựng vị thế và ảnh hưởng của mỗi quốc gia trong đời sống quốc tế. Nói cách khác, tầm vóc, vị thế, quyền lực và ảnh hưởng quốc tế của mỗi quốc gia được tạo thành bởi sự kết hợp, hòa quyện và cộng hưởng giữa sức mạnh “cứng” và sức mạnh “mềm”, giữa sức mạnh vật chất, hữu hình và sức mạnh phi vật chất, vô hình hay các yếu tố tinh thần (Hoàng Khắc Nam, 2010). Sức mạnh “mềm” thường có mối quan hệ tỷ lệ thuận với sức mạnh “cứng” nhưng nó vẫn có tính độc lập tương đối, nếu được khai thác và phát huy, nó có thể giúp nâng tầm sức mạnh tổng hợp cũng như vị thế và tầm ảnh hưởng quốc gia.

Trong đối ngoại và quan hệ quốc tế, vai trò của sức mạnh “mềm” ngày càng gia tăng, đem lại lợi thế quan trọng cho các nước vừa và nhỏ. Ngay cả với các cường quốc vốn là những chủ thể có sức mạnh “cứng” vượt trội cũng ngày càng chú trọng hơn tới việc sử dụng sức mạnh “mềm” thông qua khả năng thu hút, hấp dẫn, thuyết phục, quy tụ và tập hợp bằng uy tín, ảnh hưởng để đạt mục tiêu trong đối ngoại thay vì áp đặt, cưỡng ép bằng sức mạnh “cứng” mà trong không ít trường hợp tỏ ra kém hiệu quả và thậm chí phản tác dụng (Ngô Chí Nguyễn, 2024). Chủ trương “phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước” phản ánh nhận thức sâu sắc của Đảng về giá trị của sức mạnh “mềm” Việt Nam. Đây là nguồn lực quý giá mà công tác đối ngoại cần dựa vào, khai thác và phát huy mạnh mẽ. Việc kết hợp sức mạnh “cứng” và sức mạnh “mềm” là chìa khóa để bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định, phát triển và

nâng cao uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Ba là, đối ngoại được xem là sự tiếp nối, là “cánh tay nối dài” của đối nội; đối ngoại phục vụ đối nội, phản ánh, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của đất nước trong mỗi thời kỳ lịch sử, phụng sự lợi ích quốc gia, dân tộc, phục vụ Nhân dân. V.I.Lênin đã chỉ ra rằng, đối ngoại và đối nội có mối quan hệ gắn bó không thể tách rời: “Không có tư tưởng nào sai lầm hơn và có hại hơn là tư tưởng tách rời chính sách đối ngoại khỏi chính sách đối nội” (V.I.Lênin, 2005, 422). Chủ trương phát triển, nâng tầm đối ngoại của Việt Nam trong kỷ nguyên mới là sự phát triển logic về đối mới tư duy đối ngoại của Đảng gắn liền với tiến trình phát triển đất nước, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Trong hơn 80 năm qua, ngoại giao cách mạng Việt Nam luôn nắm vững phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, không ngừng vận động, thích ứng phù hợp với tiến trình phát triển của đất nước và bối cảnh thời đại trên cơ sở bám sát mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng trong mỗi thời kỳ, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết. Trong thời kỳ đổi mới, hội nhập và phát triển, đối ngoại đã phát huy vai trò tiên phong trong gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế, huy động nguồn lực cho phát triển đất nước, đồng thời đóng góp ngày càng tích cực vào các vấn đề toàn cầu. Hiện nay, Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, với nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện thắng lợi hai mục tiêu chiến lược 100 năm, phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến

năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại (Hà Phương, 2025). Trong kỷ nguyên vươn mình, công tác đối ngoại cần được nâng tầm, phát huy thế và lực mới của đất nước, trở thành công cụ chiến lược, đóng vai trò tiên phong để phục vụ hiệu quả hơn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước.

Bốn là, tầm nhìn phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới của Đảng phản ánh sự điều chỉnh chiến lược của đối ngoại Việt Nam trước những biến động mang tính bước ngoặt của thời đại. Đó là sự phát triển sáng tạo của tư duy kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm thích ứng, tranh thủ thời cơ và vượt qua những thách thức của một thời kỳ đầy biến động trong lịch sử thế giới.

Thế giới và khu vực đang chứng kiến những chuyển biến nhanh chóng, phức tạp, bất ổn chưa từng có khi hệ thống quốc tế cùng những nguyên tắc, chuẩn mực vốn là nền tảng cho quan hệ quốc tế, định hình trật tự toàn cầu dựa trên luật lệ sau Chiến tranh lạnh đang có nhiều biến động khó lường. Cục diện thế giới biến đổi sâu sắc, các nước lớn điều chỉnh chiến lược, gia tăng cạnh tranh, kiềm chế nhau quyết liệt, đẩy mạnh xu hướng liên kết, tập hợp lực lượng mang tính phân cực nhằm giành giật vị thế và lợi ích khiến xung đột và bất ổn địa chính trị diễn biến phức tạp; chủ nghĩa cường quyền, đơn phương, dân tộc, dân túy cực đoan trỗi dậy... làm gia tăng bất ổn toàn cầu, đe dọa hòa bình, an ninh và hợp tác quốc tế. Bước chuyển mình của thời cuộc hiện nay đã đặt

ngoại giao Việt Nam trước những thách thức rất lớn, nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội để khẳng định vai trò, vị thế quốc gia trong trật tự thế giới đang định hình.

Bên cạnh đó, bối cảnh toàn cầu hóa và liên kết kinh tế quốc tế với nhiều khó khăn, thách thức lớn từ sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ, phân mảnh kinh tế, phân tách công nghệ, xu hướng tái cấu trúc mạnh mẽ thương mại... cũng tạo cơ hội để khai thác lợi thế địa chính trị nhằm thúc đẩy đa liên kết, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, mở rộng không gian chiến lược và nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Ngoài ra, sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số và sự nổi lên gay gắt của các thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng... đã định hình lại các chuẩn mực hợp tác quốc tế, làm thay đổi cách thức các quốc gia tương tác với nhau và làm nổi bật các xu thế phát triển mới. Những đặc điểm này vừa là thách thức, vừa là cơ hội để Việt Nam chuyển mình mạnh mẽ, bắt nhịp với dòng chảy thời đại, bứt phá và vượt lên.

2. Yêu cầu, định hướng phát triển, nâng tầm đối ngoại Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Chủ trương “phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước” hàm chứa nội dung sâu sắc và đặt ra những yêu cầu mới cho công tác đối ngoại thời gian tới. Trước hết, với tầm vóc lịch sử, văn hóa dân tộc, thế và lực của đất nước sau 40 năm đổi mới đòi hỏi công tác đối ngoại cần vươn tầm, trở thành “người chơi chủ động”, tích cực hơn trong đời sống quốc tế, phản ánh khát vọng đưa đất nước Việt

Nam lên tầm cao mới. Yêu cầu mới cao hơn đối với công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế là chuyển tư duy từ vị thế một quốc gia nghèo, đi sau sang vị thế một quốc gia tầm trung đang vươn lên mạnh mẽ, với tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, đi tiên phong trong dòng chảy thời đại; chuyển từ tư duy gia nhập, tham gia, hội nhập vào đời sống quốc tế, thích ứng với biến động của thế giới sang chủ động chiến lược trên cơ sở phát huy tiềm lực vật chất, sức mạnh lịch sử, văn hóa và các giá trị đặc sắc của Việt Nam, đề xuất các sáng kiến ngoại giao và hợp tác song phương, đa phương khu vực, toàn cầu, chủ động kiến tạo môi trường đối ngoại, định hình luật chơi và trật tự quốc tế mới có lợi cho đất nước.

Trong bối cảnh hiện nay, đối ngoại cần có chiến lược mới, đặt ra mục tiêu, nhiệm vụ mới cao hơn, toàn diện hơn với ba trụ cột lõi: 1) Tiên phong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong thế giới đầy biến động; 2) Gắn chặt đối ngoại với mục tiêu, tầm nhìn, định hướng ưu tiên phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới thông qua tạo dựng cục diện, môi trường quốc tế thuận lợi. Đồng thời, tích cực mở rộng không gian phát triển, nhận diện và tranh thủ cơ hội từ những xu hướng phát triển mới trên thế giới để kiến tạo cơ hội và động lực phát triển mới; tranh thủ tối đa các nguồn lực quốc tế để đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ, cao hơn về chất; 3) Gia tăng ảnh hưởng quốc tế, nâng cao vai trò, vị thế, đóng góp của Việt Nam trong nền chính trị thế giới, kinh tế toàn cầu và văn minh nhân loại, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa, vị thế của đất nước. Trên nền tảng nội lực vững mạnh và vị thế quốc tế gia tăng, đối ngoại cần được nâng tầm, thể hiện

tư duy của một quốc gia có tầm nhìn chiến lược, phản ánh khát vọng và tâm thế của một quốc gia tầm trung đang vươn lên mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới. Theo đó, tư duy và cách tiếp cận về đối ngoại và hội nhập quốc tế cần được chuyển mạnh từ xin - nhận, gia nhập, tham gia sang chủ động đóng góp, xây dựng, kết hợp hài hòa giữa lợi ích quốc gia - dân tộc với lợi ích của bạn bè, đối tác; giữa lợi ích quốc gia - dân tộc với thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ quốc tế, thể hiện đúng tinh thần là bạn, đối tác tin cậy, thành viên tích cực, có trách nhiệm (Trần Thường & Phạm Hải, 2025).

Trên nền tảng thế và lực cùng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và xu hướng biến động toàn cầu hiện nay, cần tập trung vào một số định hướng nhằm nâng tầm đối ngoại Việt Nam trong kỷ nguyên mới ở một số nội dung sau:

Thứ nhất, đối ngoại Việt Nam cần nắm bắt, phát huy cao độ và kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong bối cảnh mới. Trên cơ sở đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đối ngoại phải luôn đặt đất nước trong dòng chảy và xu thế thời đại, giải quyết đúng đắn, vận dụng linh hoạt, sáng tạo mối quan hệ giữa dân tộc và thời đại, giữa nội lực với ngoại lực, giữa lợi ích quốc gia và trách nhiệm quốc tế. Muốn hiện thực hóa điều này, công tác đối ngoại phải thực sự “biết mình, biết người”, đánh giá đúng sức mạnh, vị thế quốc gia trong quan hệ quốc tế; đồng thời, tăng cường tìm kiếm các nguồn lực từ bên ngoài, kết nối nguồn lực, thế mạnh, nhu cầu

bên trong với những xu thế phát triển của thế giới. Để làm tốt nhiệm vụ đó, đối ngoại cần chú trọng công tác nghiên cứu dự báo chiến lược để nhận diện, nắm bắt cục diện, xu hướng và động lực mới của đời sống quốc tế, nhận thức rõ thời cơ và thách thức của thời đại, đón đầu các xu thế, lĩnh vực phát triển chính trị, an ninh, kinh tế, quan hệ quốc tế... của thế giới. Qua đó, bắt nhịp, thích ứng nhanh chóng với tình hình, nắm bắt thời cơ, xoay chuyển tình thế để hóa giải thách thức, biến thách thức thành cơ hội, biến nguy thành cơ, kiến tạo môi trường quốc tế và cục diện đối ngoại thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, với vị thế và uy tín quốc tế hiện nay, đối ngoại Việt Nam cần định vị mình như một quốc gia tầm trung của khu vực và thế giới. Điều này cần được thể hiện thông qua định hướng mới trong hoạch định và triển khai chiến lược đối ngoại ở một số khía cạnh sau:

Một là, đẩy mạnh ngoại giao song phương theo hướng ưu tiên giữ gìn, củng cố, thúc đẩy quan hệ với các nước láng giềng. Đặc biệt coi trọng sự ổn định trong mối quan hệ với các nước lớn, xử lý khôn khéo, hài hòa, cân bằng linh hoạt mọi vấn đề trên cơ sở nhận thức thấu đáo và tôn trọng vị thế, thể diện, quyền lực và lợi ích của mỗi nước lớn, khiêm nhường trong ứng xử, tránh chọn bên, “không đi với nước lớn này để chống nước lớn khác”, không vì đạt được thuận lợi trong hợp tác với nước này mà ảnh hưởng tới quan hệ với nước lớn khác. Nhận biết và có chiến lược hóa giải từ sớm, từ xa các tác động bất lợi, không để bị động, bất ngờ bởi sự thay đổi chiến lược của nước lớn; nhất quán phương châm đối thoại, đàm phán, hợp tác,

tránh rơi vào tình thế đối đầu, thù địch, xung đột hay bị cô lập bởi nước lớn; đồng thời, cũng cần giữ vững nguyên tắc, bản lĩnh, trí tuệ, quyết liệt trong bảo vệ lợi ích và thể diện quốc gia, dân tộc. Giữ vững độc lập, tự chủ, tránh bị lệ thuộc, phụ thuộc vào nước lớn nhưng cũng cần uyển chuyển, linh hoạt, mềm dẻo để thúc đẩy quan hệ cùng có lợi với nước lớn, tranh thủ quan hệ với nước lớn để bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia. Bên cạnh đó, cần tận dụng lợi thế để đẩy mạnh kết nối, mở rộng mạng lưới các mối quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện, nhất là với các nước bạn bè truyền thống, khu vực, thị trường tiềm năng ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh... nhằm đa dạng hóa quan hệ, tăng cường vị thế đòn bẩy cho quốc gia, mở rộng dư địa và không gian phát triển của đất nước.

Hai là, thúc đẩy và phát huy ngoại giao quốc gia tầm trung thông qua việc nâng tầm và đẩy mạnh đối ngoại đa phương như một trong những định hướng ưu tiên và là thành công nổi bật của đối ngoại Việt Nam thời gian qua (Đỗ Thị Thủy, 2021; Vũ Lê Thái Hoàng, 2020). Trong bối cảnh mới, Việt Nam cần đổi mới tư duy về tâm thế tham gia cũng như về vai trò, lĩnh vực, phạm vi và nội dung của chủ nghĩa đa phương. Chuyển mạnh tư duy đối ngoại đa phương từ “tham dự” sang “chủ động tham gia, phát huy vai trò, đóng góp xây dựng và định hình” các thể chế, luật chơi đa phương và cấu trúc khu vực. Với vị trí địa chính trị chiến lược, chính sách độc lập tự chủ, không liên minh và uy tín quốc tế ngày càng tăng, Việt Nam cần nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt, là trung gian hòa giải các mâu thuẫn, khác biệt, trở thành sợi dây kết nối, liên kết mạng lưới

hợp tác khu vực, quốc tế. Đối ngoại đa phương cần đề cao luật pháp quốc tế, quy tắc, chuẩn mực ứng xử, xây dựng lòng tin chiến lược trong quan hệ quốc tế; tránh tham gia những cơ chế nhạy cảm, mang tính phân tuyến, đối đầu; tích cực ứng cử, đăng cai, đảm nhận tốt các trọng trách quốc tế, chủ động tham gia và đề xuất cơ chế, sáng kiến, ý tưởng hợp tác mới..., nhất là các cơ chế giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống và thúc đẩy phát triển bền vững.

Ba là, nâng tầm đối ngoại Việt Nam theo định hướng không chỉ quan tâm bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia mà còn tích cực, chủ động, có trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở đó, cần chung tay phối hợp và đi tiên phong giải quyết các thách thức chung của khu vực và toàn cầu; trợ giúp các nước trong khả năng phù hợp, trở thành hạt nhân thúc đẩy hòa bình, hợp tác và phát triển tiến bộ của nhân loại.

Thứ ba, đẩy mạnh, nâng tầm và nâng cao hiệu quả ngoại giao kinh tế, công nghệ trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển của đất nước. Ngoại giao phải trở thành công cụ kiến tạo môi trường hợp tác, thúc đẩy các động lực tăng trưởng thông qua mở rộng và đưa quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, chủ động thúc đẩy các khuôn khổ hợp tác và liên kết kinh tế mới, kết nối chủ thể trong và ngoài nước, mở rộng không gian phát triển. Mặt khác, cần tranh thủ các xu hướng mới, các hình thức ngoại giao chuyên ngành để vận động và huy động các nguồn lực quốc tế chất lượng cao, thể hệ mới nhằm kiến tạo cơ hội phát triển bứt phá; nhận diện, khai thác, phát huy hiệu quả các lợi thế, tiềm năng so sánh nổi bật của đất nước trong phân công lao động quốc tế

để đưa đất nước tham gia sâu, chiếm lĩnh vị trí ngày càng cao trong chuỗi sản xuất và giá trị toàn cầu. Tăng cường hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp, người dân xây dựng thương hiệu, xúc tiến, quảng bá, mở rộng sản xuất, đầu tư, kinh doanh tại nước ngoài, đa dạng hóa thị trường, đối tác, tháo gỡ rào cản thương mại, phòng ngừa rủi ro, bảo hộ công dân và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, người dân trong các tranh chấp kinh tế - thương mại quốc tế.

Thứ tư, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả ngoại giao sức mạnh “mềm” tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa của dân tộc cũng như vị thế chính trị và kinh tế của đất nước. Với bề dày truyền thống lịch sử và văn hiến ngàn năm dựng nước và giữ nước, cùng bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam, đối ngoại cần đóng vai trò đặc lực, tiên phong trong xây dựng, phát huy và quảng bá, lan tỏa các hình ảnh, giá trị, bản sắc Việt Nam ra thế giới, góp phần gia tăng sức mạnh “mềm” dân tộc, tạo nên ngày càng nhiều những “thương hiệu”, “danh tiếng” hay “sự hấp dẫn” Việt Nam trên thế giới. Mặt khác, cần đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức ngoại giao văn hóa, biến sức mạnh “mềm” văn hóa thành nguồn lực đối ngoại và lợi ích kinh tế nhằm củng cố sự tin cậy chính trị, thúc đẩy hợp tác và gắn kết lợi ích kinh tế giữa Việt Nam với các nước, gia tăng hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ năm, đầu tư nguồn lực xứng tầm và có kế hoạch, lộ trình cho việc đổi mới, xây dựng và phát triển ngành ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp hóa trong kỷ nguyên mới. Trên cơ sở đó, cần chuẩn hóa tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ, trụ sở, phương tiện và trang thiết bị làm việc, hạ

tăng số, dữ liệu, quy trình làm việc và phương thức hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu nâng tầm đối ngoại và hội nhập quốc tế trở thành nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, tương xứng với tầm vóc và vị thế của đất nước. Tập trung triển khai có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đối ngoại và xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại. Bám sát Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đó là: “Xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu đầy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, tương xứng với thể và lực của Việt Nam, thực sự trở thành lực

lượng tiên phong, nòng cốt thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” (Chính phủ, 2025). Vì vậy, ngành ngoại giao cần chủ động bắt kịp, bám sát các xu hướng mới của ngoại giao quốc tế, tích hợp và kết hợp linh hoạt giữa các công cụ, hình thức, kênh và phương thức ngoại giao truyền thống và hiện đại; gắn kết chặt chẽ ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa; phát triển các hình thức ngoại giao chuyên ngành phù hợp với xu thế quốc tế và nhu cầu của đất nước. Xây dựng cơ chế phối hợp nhịp nhàng, gắn kết giữa ba trụ cột quốc phòng, an ninh và đối ngoại trở thành thể trận thống nhất trong thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ bảo vệ và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BNG (2025), *Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với quốc gia thứ 195*, Báo điện tử Chính phủ, <https://baochinhphu.vn/viet-nam-va-tuvalu-thiet-lap-quan-he-ngoai-giao-102250925080757632.htm>
2. Chính Phủ (2025), *Nghị quyết số 292/NQ-CP về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, ban hành ngày 23/9/2025.
3. Duy Khánh (2025), *10 vấn đề, sự kiện nổi bật trong nước năm 2025*, Tạp chí điện tử Kinh tế môi trường, <https://kinhtemoitruong.vn/10-van-de-su-kien-noi-bat-trong-nuoc-nam-2025-105078.html>
4. Đỗ Thị Thùy (2021), *Ngoại giao cường quốc tầm trung: Lý thuyết, thực tiễn quốc tế và hàm ý cho Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hoàng Khắc Nam (2010), *Các yếu tố tinh thần trong quyền lực của quốc gia*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 26 (2010), tr.221-229.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Hà Phương (2025), *Tổng Bí thư Tô Lâm trao đổi chuyên đề “Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”*, Tạp chí Cộng sản, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/1005102/tong-bi-thu-to-lam-trao-doi-chuyen-de-%E2%80%99Cky-nguyen-phat-trien-moi---ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam>
8. Ngô Chí Nguyễn (2024), *Cường quốc và vai trò của cường quốc trong lịch sử quan hệ quốc tế*, Tạp chí Lý luận chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/cuong-quoc-va-vai-tro-cua-cuong-quoc-trong-lich-su-quan-he-quoc-te-6352.html>
9. Phương Dung (2025), *GDP năm 2025 tăng 8,02%*, Báo VnExpress, <https://vnexpress.net/gdp-nam-2025-tang-8-02-5001921.html>

10. Tuyết Lan (2025), *Việt Nam vào Top 15 cường quốc thương mại thế giới*, Báo Lao động, <https://laodong.vn/kinh-doanh/viet-nam-vao-top-15-cuong-quoc-thuong-mai-the-gioi-1629077.ldo>
11. Trần Thường & Phạm Hải (2025), *Ông Lê Hoài Trung: Trong hội nhập, cần chuyển từ tâm thế xin - nhận sang xây dựng, đóng góp*, báo VietnamNet, <https://vietnamnet.vn/ong-le-hoai-trung-can-chuyen-tu-tam-the-xin-nhan-sang-xay-dung-dong-gop-2442986.html>
12. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, t.32, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Vũ Lê Thái Hoàng (2020), *Ngoại giao chuyên biệt: Hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm 2030*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.



GIỚI THIỆU SÁCH

BA NGƯỜI KHỔNG LỒ TRONG KINH TẾ HỌC: ADAM SMITH, KARL MARX VÀ JOHN MAYNARD KEYNES

TÁC GIẢ: MARK SKOUSEN

Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật

Năm xuất bản: 2025

Số trang: 358

Trong cuốn sách *Ba người khổng lồ trong kinh tế học: Adam Smith, Karl Marx và John Maynard Keynes* của tác giả Mark Skousen, cho thấy sự ra đời của ngành khoa học khai sáng, cách mạng công nghiệp và Đại khủng hoảng đã được mô tả trong những nghiên cứu của các ông về các học thuyết kinh tế. Tác giả đã phân tích để thấy rõ tại sao phát hiện của Adam Smith về chìa khóa để có thể đạt được thịnh vượng thực sự là cuộc cách mạng và là một cách giải thích mới về học thuyết tư bản “bàn tay vô hình”; tại sao mặc dù có những sự nghi ngờ về các học thuyết và các dự đoán đối với tương lai nhưng những người mácxít tiếp tục đóng vai trò ảnh hưởng quan trọng đến ngày nay; tại sao kinh tế học chuyển từ một ngành khoa học buồn tẻ lại trở thành một ngành khoa học rực rỡ như hiện nay; đồng thời, giải thích tại sao kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa không thể là một mô hình kinh tế toàn vẹn.

Nội dung cuốn sách gồm 7 chương: *Chương 1*: Tuyên ngôn của Adam Smith về cuộc cách mạng kinh tế năm 1776; *Chương 2*: Từ Adam Smith đến Karl Marx: Sự thăng trầm của kinh tế học cổ điển; *Chương 3*: Karl Marx khởi xướng cuộc nổi dậy chống chủ nghĩa tư bản; *Chương 4*: Từ Karl Marx đến John Maynard Keynes: Sự xuất hiện kỳ nguyên của khoa học kinh tế; *Chương 5*: John Maynard Keynes: Chủ nghĩa tư bản đối mặt với thách thức lớn nhất của chính nó; *Chương 6*: Bước ngoặt trong kinh tế học thế kỷ XX; *Chương 7*: Kết luận - Phải chăng Adam Smith đang thắng thế Karl Marx và John Maynard Keynes? ■

NGUYỄN MAI PHƯƠNG giới thiệu